

# **BẢNG TÓM TẮT**

## **SO SÁNH PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỚI CAM KẾT WTO, EVFTA VÀ TPP VỀ MỞ CỬA DỊCH VỤ CHO ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**

### **Về phạm vi của Rà soát:**

#### Về phạm vi chung

Rà soát này chỉ bao gồm các cam kết mở cửa thị trường dịch vụ của Việt Nam trong WTO, EVFTA và TPP cho nhà đầu tư nước ngoài, vì vậy không bao gồm

- Các cam kết về mở cửa đầu tư trong các lĩnh vực sản xuất hàng hóa và
- Các cam kết về mở cửa thị trường dịch vụ cho nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài theo hình thức cung cấp qua biên giới mà không phải là đầu tư (các Mode 1 – Cung cấp dịch vụ ở nước khác; Mode 2 – Tiêu dùng ở nước khác; Mode 4 – Di chuyển thể nhân).

#### Về dịch vụ tài chính

Trong TPP, dịch vụ tài chính được đàm phán riêng, với cơ chế mở cửa khác biệt so với cơ chế mở cửa chung cho tất cả các lĩnh vực khác của Chương Đầu tư TPP và biểu cam kết mở cửa cũng là biểu riêng, độc lập với Phụ lục I và Phụ lục II của TPP. Do đó, việc đưa lĩnh vực dịch vụ tài chính vào cùng một Bảng rà soát với tất cả các lĩnh vực khác là không phù hợp và không thể đánh giá, so sánh với cam kết mở cửa trong WTO và EVFTA.

Vì vậy, Rà soát này không bao gồm các cam kết về mở cửa thị trường Việt Nam đối với các lĩnh vực dịch vụ tài chính

### **Về các cam kết được rà soát:**

- Cam kết WTO: Bao gồm cam kết lời văn trong TRIMS, GATS, các Văn bản liên quan tới việc gia nhập WTO của Việt Nam và Cam kết về Mode 3 (hiện diện thương mại) trong Biểu cam kết mở cửa thị trường dịch vụ Việt Nam trong WTO (các cam kết có lộ trình thực hiện trong Biểu cam kết này được xác định theo lộ trình tới thời điểm rà soát (11/2016) và không bao gồm các ngoại lệ riêng lẻ (ngoại lệ chỉ cho một số đối tác WTO nhất định, theo thời hạn nhất định, ở những lĩnh vực nhất định)
- Cam kết TPP: Bao gồm cam kết lời văn trong Chương Đầu tư và cam kết trong 02 Phụ lục (Phụ lục I và Phụ lục II) của TPP về Danh mục các biện pháp không tương thích
- Cam kết EVFTA: Bao gồm cam kết lời văn trong Chương Đầu tư và cam kết về Mode 3 (hiện diện thương mại) tại Phụ lục 8d của EVFTA về Biểu cam kết mở cửa thị trường dịch vụ

### **Về cách hiểu chung cho một số nội dung trong Rà soát:**

- Căn cứ vào cam kết WTO, TPP và EVFTA về chi nhánh (chưa mở cửa cho chi nhánh của thương nhân nước ngoài trừ các lĩnh vực được nêu rõ là mở và điều kiện mở tương ứng), Rà soát ngầm định là Việt Nam chưa mở cửa cho việc thành lập chi nhánh của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài tại Việt Nam trong tất cả các lĩnh vực (trừ các trường hợp được nêu rõ là đã mở cửa). Vì vậy các đánh giá trong Rà soát về việc “VN đã mở hoàn toàn” hoặc “VN đã mở hoàn toàn trừ...” được hiểu là không bao gồm hình thức hiện diện thương mại là “chi nhánh” (trừ khi được nêu rõ về “chi nhánh”).

- Căn cứ vào cam kết WTO, TPP và EVFTA về văn phòng đại diện (mở cửa toàn bộ cho văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài với điều kiện văn phòng đại diện không thực hiện hoạt động kinh doanh), Rà soát ngầm định là Việt Nam đã mở cửa hoàn toàn cho việc thành lập văn phòng đại diện của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài tại Việt Nam trong tất cả các lĩnh vực (trừ các trường hợp có điều kiện hạn chế được nêu rõ)
- Đối với các trường hợp PLVN mở rộng hơn cam kết: Trừ trường hợp có đề xuất xem xét lại về mức độ mở cửa rộng hơn này (có nêu cụ thể trong Đề xuất), tất cả các trường hợp khác được hiểu là Nhóm rà soát đồng tình với hiện trạng mở cửa hiện tại của PLVN và không có đề xuất điều chỉnh gì về mức độ mở cửa (mặc dù vẫn có thể có các đề xuất về kỹ thuật khác, ví dụ đề xuất để tăng tính minh bạch của quy định, đề xuất để tạo sự thống nhất trong các quy định...).
- Đối với các trường hợp PLVN không có bất kỳ quy định nào về các điều kiện đầu tư, kinh doanh đối với một lĩnh vực dịch vụ nhất định: Trong các trường hợp này, Rà soát sẽ ngầm định PLVN đã mở hoàn toàn (trừ trường hợp VN không có cam kết trong WTO) bởi các lý do (i) theo nguyên tắc áp dụng PLVN thì tổ chức, cá nhân được làm tất cả những gì pháp luật không cấm; (ii) trên thực tế, đối với các trường hợp tương tự, tổ chức cá nhân VN chỉ cần đăng ký kinh doanh theo pháp luật chung về doanh nghiệp và đầu tư;
- Các đánh giá trong Rà soát được thực hiện dựa trên giả định là TPP, EVFTA có hiệu lực (nhưng không xác định thời điểm có hiệu lực của TPP và EVFTA)

#### **Về các từ viết tắt**

- WTO: Tổ chức thương mại quốc tế
- TPP: Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương
- EVFTA: Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU
- VN: Việt Nam
- PLVN: Pháp luật Việt Nam

#### **Thống nhất quan điểm tiếp cận về một số vấn đề còn tranh cãi:**

##### ***(i) Liên quan tới việc áp dụng cam kết quốc tế:***

Hiện đang có các ý kiến khác nhau về cách thức áp dụng cam kết quốc tế ở Việt Nam. Nhóm ý kiến thứ nhất cho rằng theo quy định của pháp luật về đầu tư và trong nhiều văn bản pháp luật khác thì trường hợp có quy định khác nhau giữa pháp luật liên quan và điều ước quốc tế thì ưu tiên áp dụng điều ước quốc tế, do đó trong mọi trường hợp PLVN đã tương thích với các cam kết. Nhóm ý kiến thứ hai cho rằng mặc dù có quy định như vậy, nhưng theo Điều 6 Luật Điều ước quốc tế (trích dẫn dưới đây) thì: điều ước quốc tế có giá trị cao hơn pháp luật nội địa (trừ Hiến pháp) nhưng điều ước quốc tế không có giá trị áp dụng trực tiếp đương nhiên, điều ước quốc tế chỉ áp dụng trực tiếp nếu được quyết định như vậy bởi Cơ quan có thẩm quyền khi cơ quan này quyết định phê chuẩn/phê duyệt điều ước quốc tế đó.

Quan điểm thứ hai là hợp lý hơn bởi (i) quan điểm này đúng về mặt pháp lý, phù hợp với luật điều ước quốc tế, luật gốc về vấn đề điều ước quốc tế (trong khi quan điểm thứ nhất chỉ áp dụng một phần quy định, tức là áp dụng chưa đầy đủ luật điều ước quốc tế) và (ii) quan điểm này đúng về thực tiễn, bởi trên thực tế không có cơ quan, tòa án nào trích dẫn trực tiếp cam kết quốc tế để tổ chức thực thi hay áp dụng pháp luật cho tổ chức, cá nhân; (iii) quan điểm này phù hợp với Nghị quyết 71/2006/QH11 của Quốc hội phê chuẩn Nghị định thư gia nhập WTO (như trích dẫn dưới đây), theo đó việc áp dụng trực

tiếp hoặc là phải được nêu ngay trong Phụ lục Nghị quyết, hoặc là phải được Chính phủ rà soát và báo cáo Quốc hội về việc áp dụng trực tiếp; (iv) quan điểm này phù hợp với cam kết đã được nêu rõ trong Hiệp định EVFTA (Phụ lục 8d, theo đó các cam kết mở cửa trong Phụ lục 8d về Biểu cam kết mở cửa thị trường dịch vụ, đầu tư của VN cho EU không có giá trị thực thi đương nhiên – “The rights and obligations arising from the list below shall have no self-executing effect and thus confer no rights directly on natural or juridical persons.”).

Vì vậy, trong Rà soát dưới đây, các phân tích, đánh giá vấn đề tương thích đều dựa trên quan điểm thứ hai – cam kết quốc tế không có giá trị áp dụng trực tiếp, vì vậy chỉ xem xét tính tương thích của các quy định cụ thể trong pháp luật nội địa.

#### *Luật Điều ước quốc tế*

##### *“Điều 6. Điều ước quốc tế và quy định của pháp luật trong nước*

*1. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó, trừ Hiến pháp.*

*2. Căn cứ vào yêu cầu, nội dung, tính chất của điều ước quốc tế, Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ khi quyết định chấp nhận sự ràng buộc của điều ước quốc tế đồng thời quyết định áp dụng trực tiếp toàn bộ hoặc một phần điều ước quốc tế đó đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong trường hợp quy định của điều ước quốc tế đã đủ rõ, đủ chi tiết để thực hiện; quyết định hoặc kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện điều ước quốc tế đó.”*

##### *Nghị quyết 71/2006/QH11*

*“2. Áp dụng trực tiếp các cam kết của Việt Nam được ghi tại Phụ lục đính kèm Nghị quyết này và các cam kết khác của Việt Nam với Tổ chức thương mại thế giới được quy định đủ rõ, chi tiết trong Nghị định thư, các Phụ lục đính kèm và Báo cáo của Ban công tác về việc Việt Nam gia nhập Hiệp định thành lập Tổ chức thương mại thế giới.*

*Trong trường hợp quy định của pháp luật Việt Nam không phù hợp với quy định của Hiệp định thành lập Tổ chức thương mại thế giới, Nghị định thư và các tài liệu đính kèm thì áp dụng quy định của Hiệp định thành lập Tổ chức thương mại thế giới, Nghị định thư và các tài liệu đính kèm.*

*3. Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:*

*a) Rà soát các cam kết của Việt Nam với Tổ chức thương mại thế giới được quy định đủ rõ, chi tiết trong Nghị định thư, các Phụ lục đính kèm và Báo cáo của Ban công tác về việc Việt Nam gia nhập Hiệp định thành lập Tổ chức thương mại thế giới, nhưng chưa được ghi trong Phụ lục đính kèm Nghị quyết này để áp dụng trực tiếp và báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội;”*

#### **(ii) Liên quan tới quy định của pháp luật Việt Nam (PLVN)**

- Trường hợp PLVN không quy định rõ về điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài

Trong rất nhiều các trường hợp PLVN chỉ quy định chung cho các chủ thể, không phân biệt nhà đầu tư trong nước hay nước ngoài, trong điều khoản về đối tượng áp dụng có

thể nêu rõ tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoặc chỉ nêu chung là tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực xyz tại Việt Nam (VN). Vấn đề đặt ra là hiện trạng pháp luật như vậy được cho là (i) pháp luật đã có quy định nhưng là quy định chung cho tất cả các chủ thể, vì vậy được xem là không có hạn chế nào riêng cho nhà đầu tư nước ngoài); hay (ii) pháp luật chưa có quy định, và đối với chủ thể đầu tư nước ngoài thì theo cam kết quốc tế? Từ góc độ pháp luật thì cách hiểu thứ (i) là chính xác hơn, bởi một mặt nếu điều khoản về đối tượng áp dụng đã bao hàm các chủ thể này thì đương nhiên quy định trong văn bản cũng phải dành cho các chủ thể này, và mặt khác cam kết quốc tế không có giá trị áp dụng trực tiếp (lý do như nêu trên).

Vì vậy, trong Rà soát này, các phân tích đánh giá vấn đề tương thích đều dựa trên quan điểm thứ nhất – trừ khi có quy định rõ về điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài, các trường hợp khác được xem là quy định chung cho cả nhà đầu tư trong nước và nước ngoài.

- *Trường hợp PLVN không có quy định riêng về điều kiện đầu tư, kinh doanh đối với một lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh*

Trong rất nhiều trường hợp PLVN không có bất kỳ quy định nào về điều kiện đầu tư, kinh doanh đối với một lĩnh vực ngành nghề nhất định. Điều này là hoàn toàn bình thường bởi pháp luật chỉ quy định về những lĩnh vực, ngành nghề đặc thù, có thể ảnh hưởng tới các lợi ích công cộng ở mức nhất định cần sự kiểm soát chặt chẽ của Nhà nước, còn đối với các ngành, lĩnh vực khác thì áp dụng chung pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp liên quan tới các điều kiện, thủ tục kinh doanh. Như vậy, đối với các ngành nghề lĩnh vực này, không phải không có pháp luật để áp dụng mà là áp dụng pháp luật chung về đầu tư kinh doanh.

Do đó, trong Rà soát này, các trường hợp này sẽ được suy đoán là không có điều kiện đầu tư, kinh doanh nào riêng, áp dụng pháp luật chung, và vì vậy không có bất kỳ hạn chế nào đối với nhà đầu tư nói chung và nhà đầu tư nước ngoài nói riêng.

| Lĩnh vực dịch vụ  | Mức độ tương thích với cam kết WTO | Mức độ tương thích với cam kết TPP | Mức độ tương thích với cam kết EVFTA | Tổng quát về cam kết và PLVN tương ứng   |
|---|------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|--|
| <b>1.CÁC DỊCH VỤ KINH DOANH</b>   |                                    |                                    |                                      |  |
| <b>A. Dịch vụ chuyên môn</b>  |                                    |                                    |                                      |  |
| <b>Phân ngành:</b> In ấn (CPC 88442) trưng cầu ý kiến công chúng (CPC 864) Điều tra và an ninh, ngoại trừ dịch vụ hệ thống an ninh (một phần CPC 873) Dịch vụ phân tích và kiểm định kỹ thuật (CPC 8676): giám định phương tiện giao thông và chứng nhận phương tiện vận tải Dịch vụ trọng tài và hòa giải (CPC 86602), ngoại trừ dịch vụ trọng tài và hòa giải cho tranh chấp thương mại giữa các doanh nghiệp Dịch vụ cung ứng nhân sự (CPC 872) Dịch vụ liên quan đến đánh bắt cá (CPC 882), (ngoại trừ dịch vụ tư vấn chuyên biệt liên quan đến thủy, hải sản, nuôi trồng thủy hải sản) | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | VN không cam kết mở cửa các lĩnh vực này cả trong WTO, TPP và EVFTA.<br><br>PLVN suy đoán là đã tương thích  |
| (a) Dịch vụ pháp lý (CPC 861, không bao gồm :<br>- tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa hay đại diện cho khách hàng của mình trước Tòa án Việt Nam;<br>- Dịch vụ giấy tờ pháp lý và công chứng liên quan tới pháp luật Việt Nam).   | Chưa tương thích                   | Chưa tương thích                   | Chưa tương thích                     | VN cam kết mở hoàn toàn lĩnh vực này (trừ các hoạt động được liệt kê) trong cả WTO, TPP và EVFTA.<br><br>PLVN không có quy định riêng về điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài, trừ quy định hạn chế về điều kiện cư trú và kinh nghiệm |
| (b) Dịch vụ kế toán, kiểm toán và ghi sổ kế toán (CPC 862)  | Chưa tương thích                   | Chưa tương thích                   | Chưa tương thích                     | VN cam kết mở hoàn toàn lĩnh vực này trong cả WTO, TPP và EVFTA<br><br>PLVN không cho phép thành lập DN kế toán, kiểm toán 100% vốn nước ngoài   |

| Lĩnh vực dịch vụ   | Mức độ tương thích với cam kết WTO | Mức độ tương thích với cam kết TPP | Mức độ tương thích với cam kết EVFTA | Tổng quát về cam kết và PLVN tương ứng   |
|--|------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|--|
| (c) Dịch vụ thuế (CPC 863)   | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | <p>VN cam kết mở cửa hoàn toàn lĩnh vực này trong cả WTO, TPP và EVFTA</p> <p>PLVN không có quy định riêng về điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài</p>   |
| d) Dịch vụ kiến trúc (CPC 8671)  | Chưa tương thích                   | Chưa tương thích                   | Chưa tương thích                     | <p>VN cam kết mở cửa hoàn toàn lĩnh vực này trong cả WTO, TPP và EVFTA</p> <p>PLVN yêu cầu nhà thầu nước ngoài bắt buộc phải liên danh với nhà thầu VN hoặc sử dụng nhà thầu phụ VN</p>  |
| <p>(e) Dịch vụ tư vấn kỹ thuật (CPC 8672)</p> <p>Mã CPC 8672 – dịch vụ tư vấn kỹ thuật bao gồm các mã dịch vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CPC 86722 Dịch vụ thiết kế kỹ thuật cho việc xây dựng móng và kết cấu toà nhà;</li> <li>- CPC 86723 Dịch vụ thiết kế kỹ thuật cho việc lắp đặt cơ khí và lắp đặt điện cho các tòa nhà;</li> <li>- CPC 86724 Dịch vụ thiết kế kỹ thuật cho việc xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng;</li> <li>- CPC 86725 Các dịch vụ thiết kế kỹ thuật cho các quá trình và sản xuất công nghiệp;</li> <li>- CPC 86726 Các dịch vụ thiết kế kỹ thuật chưa được liệt kê ở nơi khác;</li> <li>- CPC 86727 Các dịch vụ kỹ thuật khác trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt;</li> <li>- CPC 86729 Các dịch vụ tư vấn kỹ</li> </ul> | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | <p>VN cam kết mở cửa tương tự và ở mức hạn chế trong WTO và EVFTA (đối với hoạt động quy hoạch, điều tra địa chất, môi trường); mở cửa hoàn toàn trong TPP</p> <p>PLVN không có quy định riêng về điều kiện đầu tư đối với đầu tư nước ngoài</p> |

| Lĩnh vực dịch vụ  | Mức độ tương thích với cam kết WTO | Mức độ tương thích với cam kết TPP | Mức độ tương thích với cam kết EVFTA | Tổng quát về cam kết và PLVN tương ứng  |
|---|------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|---|
| <p><i>thuật khác</i></p> <p>(f) Dịch vụ tư vấn kỹ thuật đồng bộ (CPC 8673)</p> <p><i>Mã CPC 8673 – dịch vụ tư vấn kỹ thuật đồng bộ bao gồm các mã dịch vụ sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CPC 86731 Các dịch vụ tư vấn kỹ thuật đồng bộ cho các dự án chìa khóa trao tay về cơ sở hạ tầng giao thông;</li> <li>- CPC 86732 Dịch vụ tư vấn kỹ thuật đồng bộ và quản lý dự án cho các dự án chìa khóa trao tay về công trình cung cấp nước và vệ sinh;</li> <li>- CPC 86733 Các dịch vụ tư vấn kỹ thuật đồng bộ cho việc xây dựng các dự án chìa khóa trao tay trong lĩnh vực chế tạo;</li> <li>- CPC 86739 Dịch vụ tư vấn kỹ thuật đồng bộ cho các dự án chìa khóa trao tay khác.</li> </ul> |                                    |                                    |                                      |   |
| (j) Dịch vụ do bà đỡ, y tá, bác sỹ trị liệu và nhân viên y tế không chuyên (CPC 93191)  | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | <p>VN không cam kết mở cửa trong WTO; cam kết mở cửa hoàn toàn trong TPP, EVFTA</p> <p>PLVN không có quy định riêng về điều kiện đầu tư đối với đầu tư nước ngoài</p>               |
| (g) Dịch vụ quy hoạch đô thị và kiến trúc cảnh quan đô thị (CPC 8674)   | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | <p>VN cam kết mở cửa hoàn toàn lĩnh vực này (trừ điều kiện về bằng cấp của kiến trúc sư nước ngoài) trong cả WTO, TPP và EVFTA</p> <p>PLVN không có quy định riêng về điều kiện</p> |

| Lĩnh vực dịch vụ  | Mức độ tương thích với cam kết WTO | Mức độ tương thích với cam kết TPP | Mức độ tương thích với cam kết EVFTA | Tổng quát về cam kết và PLVN tương ứng   |
|---|------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|--|
|   |                                    |                                    |                                      | đầu tư đối với đầu tư nước ngoài (trừ quy định riêng về điều kiện, thủ tục cấp phép đối với trường hợp cung cấp dịch vụ qua biên giới và hợp đồng hợp tác kinh doanh)  |
| (i) Dịch vụ thú y (CPC 932)<br>Không bao gồm việc lưu giữ giống vi sinh vật dùng trong thú y  | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | VN cam kết tương tự và ở mức rất hạn chế trong WTO, EVFTA; cam kết mở hơn nhưng vẫn rất hạn chế trong TPP (chỉ cho phép cá nhân hành nghề độc lập)<br><br>PLVN không có quy định riêng về điều kiện đầu tư đối với đầu tư nước ngoài |
| <b>B. Dịch vụ máy tính và các dịch vụ liên quan (CPC 841-845, CPC 849)</b><br><br>CPC 84 gồm các phân ngành như sau:<br><br>841 Dịch vụ tư vấn liên quan tới lắp đặt phần cứng máy tính<br>842 Dịch vụ thực hiện phần mềm<br>843 Dịch vụ xử lý dữ liệu<br>844 Dịch vụ cơ sở dữ liệu<br>845 Dịch vụ duy tu và bảo dưỡng máy móc và thiết bị văn phòng, bao gồm cả máy tính<br>849 Các dịch vụ máy tính khác<br>84910 Dịch vụ chuẩn bị dữ liệu<br>84990 Các dịch vụ máy tính khác | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | VN cam kết mở cửa hoàn toàn lĩnh vực này trong cả WTO, TPP và EVFTA<br><br>PLVN không có quy định riêng về điều kiện đầu tư đối với đầu tư nước ngoài  |
| <b>C. Dịch vụ nghiên cứu và phát</b>  |                                    |                                    |                                      |  |



| Lĩnh vực dịch vụ   | Mức độ tương thích với cam kết WTO | Mức độ tương thích với cam kết TPP | Mức độ tương thích với cam kết EVFTA | Tổng quát về cam kết và PLVN tương ứng  |
|--|------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|---|
| <b>triển</b>   |                                    |                                    |                                      |   |
| Dịch vụ nghiên cứu và phát triển về khoa học xã hội và nhân văn (CPC 852)  | Đã tương thích                     | Chưa tương thích                   | Đã tương thích                       | VN không cam kết mở cửa lĩnh vực này trong WTO, EVFTA; cam kết mở hoàn toàn trong TPP<br><br>PLVN mở cửa cho tổ chức KHCN nước ngoài theo từng trường hợp (cho phép của Bộ trưởng Bộ KHCN)  |
| Dịch vụ nghiên cứu và phát triển đối với khoa học tự nhiên (CPC 851)   | Không rõ                           | Không rõ                           | Không rõ                             | VN cam kết mở cửa hoàn toàn lĩnh vực này trong cả WTO, TPP, EVFTA<br><br>PLVN mở cửa cho tổ chức KHCN nước ngoài theo từng trường hợp (cho phép của Bộ trưởng Bộ KHCN), do đó không rõ là đã tương thích chưa (tùy thuộc vào việc trên thực tế Bộ trưởng có cho phép thành lập không) |
| <b>E. Dịch vụ cho thuê không kèm người điều khiển (CPC 83)</b><br>(b) Dịch vụ cho thuê máy bay (CPC 83104)<br><br>83104 Dịch vụ thuê hoặc cho thuê máy bay không kèm phi công; Dịch vụ thuê, cho thuê máy bay (máy bay trực thăng, máy bay) không kèm phi công.<br><br>Ngoại trừ:<br><br>-Dịch vụ thuê hoặc cho thuê máy bay kèm phi công được liệt kê tại | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | VN cam kết mở cửa hoàn toàn lĩnh vực này trong cả WTO, TPP, EVFTA<br><br>PLVN không có quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực này  |

| Lĩnh vực dịch vụ   | Mức độ tương thích với cam kết WTO | Mức độ tương thích với cam kết TPP | Mức độ tương thích với cam kết EVFTA | Tổng quát về cam kết và PLVN tương ứng  |
|--|------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|---|
| <p>tiểu mục 73400 (dịch vụ cho thuê máy bay kèm phi công)</p> <p>-Thuê, cho thuê khinh khí cầu, khí cầu điều khiển, tàu lượn, khung bay được liệt kê tại tiểu mục 83204 (dịch vụ thuê/cho thuê các trang thiết bị giải trí).</p>   |                                    |                                    |                                      |   |
| <p>Liên quan tới tàu (CPC 83103)</p> <p>83103 Dịch vụ thuê hoặc cho thuê tàu thuyền có kèm theo người lái; Dịch vụ thuê hoặc cho thuê thuyền, tàu và tàu đệm không khí không kèm theo người lái, được thiết kế chủ yếu để vận chuyển hành khách và hàng hóa.</p> <p>Ngoại trừ:</p> <p>-Dịch vụ thuê hoặc cho thuê tàu đi biển có kèm theo người lái được liệt kê tại tiểu mục 72130 (dịch vụ cho thuê tàu đi biển có người lái)</p> <p>-Dịch vụ thuê, cho thuê tàu không đi biển có người lái được liệt kê tại tiểu mục 72230 (dịch vụ cho thuê tàu không đi biển có người lái).</p> <p>-Dịch vụ thuê, cho thuê đối với tàu phục vụ mục đích giải trí được liệt kê tại tiểu mục 83204 (dịch vụ thuê hoặc cho thuê phương tiện giải trí).</p> | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | <p>VN không cam kết mở cửa lĩnh vực này trong WTO, cam kết mở hạn chế trong EVFTA và mở hoàn toàn trong TPP.</p> <p>PLVN không có quy định về điều kiện kinh doanh, đầu tư trong lĩnh vực này (PLVN chỉ có quy định về hợp đồng thuê tàu thuyền (trừ tàu biển) và hoạt động thuê tàu thuyền).</p> |
| <p>(d) Dịch vụ cho thuê máy móc và thiết bị khác (CPC 83109)</p> <p>83109 Dịch vụ thuê hoặc cho thuê máy móc thiết bị khác không có người điều hành</p> <p>Bao gồm dịch vụ cho thuê tất cả các loại máy móc, kể cả máy móc điện tử hoặc phi điện tử, thường được các ngành sử dụng làm tài sản đầu tư như máy móc và động cơ, máy</p>  | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | <p>VN không cam kết mở cửa lĩnh vực này trong WTO và TPP; cam kết mở hẹp trong EVFTA.</p> <p>PLVN không có quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực này</p>   |

| Lĩnh vực dịch vụ   | Mức độ tương thích với cam kết WTO        | Mức độ tương thích với cam kết TPP | Mức độ tương thích với cam kết EVFTA | Tổng quát về cam kết và PLVN tương ứng  |
|--|---|------------------------------------|--------------------------------------|---|
| công cụ, thiết bị khai thác mỏ, các thiết bị truyền thông, truyền hình và phát thanh thương mại, thiết bị đo đạc và kiểm soát khoa học và chuyên nghiệp; các loại máy móc công nghiệp và thương mại khác   |   |                                    |                                      |   |
| <b>F. Các dịch vụ kinh doanh khác</b>  |   |                                    |                                      |   |
| (a) Dịch vụ quảng cáo (CPC 871, trừ dịch vụ quảng cáo thuốc lá)  | Đã tương thích                            | Chưa tương thích                   | Đã tương thích                       | VN mở cửa tương tự và ở mức hạn chế trong WTO, EVFTA; mở cửa hoàn toàn trong TPP<br><br>PLVN hiện quy định mở cửa hạn chế theo WTO và EVFTA.  |
| (b) Dịch vụ nghiên cứu thị trường (CPC 864 <sup>1</sup> , trừ 86402)<br>CPC 864 bao gồm CPC 8640 Dịch vụ nghiên cứu thị trường và thăm dò ý kiến công chúng.<br>-86401 - Dịch vụ nghiên cứu thị trường<br>-86402 - Dịch vụ thăm dò ý kiến công chúng | CPC 864<br>Đã tương thích                 | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | VN cam kết tương tự và mở hoàn toàn trong WTO, TPP và EVFTA (nhưng không mở cửa thị trường dịch vụ điều tra ý kiến công chúng).<br><br>PLVN không có quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh ngành nghề này (kể cả đối với toàn bộ CPC 864 hay đối với CPC 86402) |
|  | CPC 86402<br>Đã tương thích               | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       |   |
| (c) Dịch vụ tư vấn quản lý (CPC 865)<br>CPC 865 bao gồm:<br>86501 - Dịch vụ tư vấn quản lý chung   | Tư vấn quản lý xây dựng<br>Đã tương thích | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | VN cam kết ở cửa hoàn toàn lĩnh vực này (bao gồm cả chi nhánh) trong cả WTO, TPP và EVFTA (riêng WTO thì  |

<sup>1</sup> CPC 864 Market research and public opinion polling service includes 8640 - Market research and public opinion polling services:

- 86401 - Market research services
- 86402 - Public opinion polling services

| Lĩnh vực dịch vụ  | Mức độ tương thích với cam kết WTO               | Mức độ tương thích với cam kết TPP | Mức độ tương thích với cam kết EVFTA | Tổng quát về cam kết và PLVN tương ứng  |
|---|--|------------------------------------|--------------------------------------|---|
| <p>Dịch vụ tư vấn, hướng dẫn và hỗ trợ hoạt động về chính sách và chiến lược kinh doanh và hoạch định chung, cơ cấu và kiểm soát một tổ chức. Cụ thể hơn, các công việc tư vấn quản lý chung có thể đề cập tới một hoặc nhiều công việc sau đây: hoạch định chính sách, xác định cấu trúc của tổ chức (hệ thống đưa ra quyết định) để có thể thực hiện mục tiêu của tổ chức một cách hiệu quả nhất, tổ chức pháp lý, kế hoạch kinh doanh chiến lược, xác định hệ thống thông tin quản lý, xây dựng các báo cáo quản lý và kiểm soát, kế hoạch thay đổi kinh doanh, kiểm toán quản lý, xây dựng các chương trình tăng lợi nhuận và các vấn đề khác mà ban quản lý cấp cao của một tổ chức đặc biệt quan tâm</p> <p>86502 - Dịch vụ tư vấn quản lý tài chính (trừ thuế kinh doanh)<br/> 86503 - Dịch vụ tư vấn quản lý marketing<br/> 86504 - Dịch vụ tư vấn quản lý nguồn nhân lực sản xuất<br/> 86505 - Dịch vụ tư vấn quản lý sản xuất<br/> 86506 - Dịch vụ quan hệ cộng đồng<br/> 86509 - Các dịch vụ tư vấn quản lý khác</p> <p>Dịch vụ tư vấn, hướng dẫn và hỗ trợ hoạt động liên quan tới các vấn đề khác. Các dịch vụ này bao gồm dịch vụ tư vấn phát triển công nghiệp, dịch vụ tư vấn phát triển du lịch, v.v..</p> | <p>Tư vấn quản lý khác</p> <p>Đã tương thích</p> | <p>Đã tương thích</p>              | <p>Đã tương thích</p>                | <p>còn hạn chế về điều kiện cư trú của Giám đốc chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại VN).</p> <p>PLVN trong lĩnh vực tư vấn quản lý xây dựng có quy định nhà thầu nước ngoài phải liên danh với nhà thầu VN hoặc sử dụng nhà thầu VN.</p> <p>PLVN không có quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh cụ thể nào đối với các dịch vụ tư vấn quản lý trong các lĩnh vực khác.</p> |
| <p>(d) Dịch vụ liên quan đến tư vấn quản lý<br/> CPC 866, trừ CPC 86602<br/> CPC 866 bao gồm CPC 8660 Các</p>   | <p>Chung</p> <p>Đã tương thích</p>               | <p>Chung</p> <p>Đã tương thích</p> | <p>Chung</p> <p>Đã tương thích</p>   | <p>VN cam kết mở hoàn toàn trong WTO, TPP và EVFTA.</p> <p>PLVN không có quy</p>  |

| Lĩnh vực dịch vụ  | Mức độ tương thích với cam kết WTO   | Mức độ tương thích với cam kết TPP   | Mức độ tương thích với cam kết EVFTA | Tổng quát về cam kết và PLVN tương ứng  |
|---|--------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|---|
| <p>dịch vụ liên quan tới tư vấn quản lý:</p> <p>86601 - Dịch vụ tư vấn quản lý dự án khác với dịch vụ xây dựng</p> <p>86602 - Dịch vụ trọng tài và hòa giải</p> <p>86609 - Các dịch vụ quản lý khác (Dịch vụ quản lý chưa được liệt kê tại các phần khác)</p> | <p>Về Chi nhánh:</p> <p>Không rõ</p> | <p>Về Chi nhánh:</p> <p>Không rõ</p> | <p>Về Chi nhánh:</p> <p>Không rõ</p> | <p>định gì về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực này.</p> <p>Về chi nhánh, PLVN dẫn chiếu tới cam kết mà không có quy định cụ thể</p>  |
| <p>(d) Dịch vụ liên quan đến tư vấn quản lý</p> <p>- Dịch vụ trọng tài và hòa giải đối với tranh chấp thương mại giữa các thương nhân (CPC 86602**)</p>   | <p>Chưa tương thích</p>              | <p>Chưa tương thích</p>              | <p>Chưa tương thích</p>              | <p>VN có cam kết mở cửa tương tự nhau trong WTO EVFTA và TPP, theo đó mở cửa hoàn toàn lĩnh vực này bao gồm cả chi nhánh (riêng WTO và EVFTA thì có cam kết bảo lưu quyền quy định giám đốc chi nhánh phải thường trú tại VN).</p> <p>PLVN không coi trọng tài và hòa giải thương mại là dịch vụ kinh doanh (thu lợi nhuận), do đó không có quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực này</p> |
| <p>(e) Dịch vụ phân tích và kiểm định kỹ thuật (CPC 8676 ngoại trừ việc kiểm định và cấp giấy chứng nhận cho phương tiện vận tải)</p>   | <p>Đã tương thích</p>                | <p>Đã tương thích</p>                | <p>Đã tương thích</p>                | <p>VN có cam kết tương tự, mở hoàn toàn trong WTO, EVFTA và TPP</p> <p>PLVN không có quy định về điều kiện đầu tư trong lĩnh vực này</p>  |
| <p>(f) Dịch vụ liên quan đến nông nghiệp, săn bắn và lâm nghiệp (CPC 881)</p> <p>Không cam kết đối với các dịch vụ điều tra, đánh giá và khai thác rừng</p>   | <p>Đã tương thích</p>                | <p>Đã tương thích</p>                | <p>Đã tương thích</p>                | <p>VN cam kết mở cửa tương tự và ở mức hạn chế trong WTO, TPP và EVFTA</p> <p>PLVN không có quy</p>   |

| Lĩnh vực dịch vụ  | Mức độ tương thích với cam kết WTO | Mức độ tương thích với cam kết TPP | Mức độ tương thích với cam kết EVFTA | Tổng quát về cam kết và PLVN tương ứng  |
|---|------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|---|
| <p>tự nhiên bao gồm khai thác gỗ và săn bắn, đánh bắt động vật hoang dã quý hiếm, dịch vụ chụp ảnh hàng không, gieo hạt và phun thuốc hóa chất bằng máy bay, quản lý quỹ gien cây trồng, vật nuôi và vi sinh vật sử dụng trong nông nghiệp. Để làm rõ nội dung cam kết, dịch vụ chăn nuôi và phát triển nguồn giống là thuộc phạm vi cam kết.</p>   |                                    |                                    |                                      | <p>định về điều kiện kinh doanh, đầu tư trong lĩnh vực này</p>  |
| <p>(h) Dịch vụ liên quan đến khai thác mỏ (CPC 883)</p> <p>CPC 883: Services incidental to mining: services rendered on a fee or contract basis at oil and gas fields, e.g. drilling services, derrick building, repair and dismantling services, oil and gas well casings cementing services.</p> <p>Exclusion: Mineral prospecting services, oil and gas field exploration and geophysical (e.g. seismic) and geological surveying services are classified in class 8675 (Engineering related scientific and technical consulting services)</p> | <p>Đã tương thích</p>              | <p>Đã tương thích</p>              | <p>Đã tương thích</p>                | <p>VN cam kết mở cửa tương tự và ở mức hạn chế trong WTO, TPP và EVFTA, đồng thời loại trừ nhiều dịch vụ liên quan.</p> <p>PLVN không quy định gì về điều kiện kinh doanh, đầu tư trong lĩnh vực này (trừ các quy định liên quan tới dầu khí)</p> |
| <p>(i) Dịch vụ liên quan đến sản xuất (CPC 884 và 885)</p> <p>Services incidental to manufacturing: these include manufacturing on a fee or contract basis, i.e. manufacturing services rendered to others where the raw materials processed, treated or finished are not owned by the manufacturer. Assembly, installation other than construction work, fitting of articles, maintenance and repair services are also classified here</p>   | <p>Đã tương thích</p>              | <p>Đã tương thích</p>              | <p>Đã tương thích</p>                | <p>VN cam kết mở cửa tương tự và ở mức hạn chế trong WTO, EVFTA; cam kết mở cửa hoàn toàn trong TPP</p> <p>PLVN không quy định riêng về điều kiện đầu tư đối với đầu tư nước ngoài</p>  |

| Lĩnh vực dịch vụ   | Mức độ tương thích với cam kết WTO | Mức độ tương thích với cam kết TPP | Mức độ tương thích với cam kết EVFTA | Tổng quát về cam kết và PLVN tương ứng   |
|--|------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|--|
| <p>CPC 884: Services incidental to manufacturing, except to the manufacture of metal products, machinery and equipment</p> <p>CPC 885: Services incidental to the manufacture of metal products, machinery and equipment</p>   |                                    |                                    |                                      |  |
| <p>(m) Dịch vụ liên quan đến tư vấn khoa học kỹ thuật<sup>2</sup> (chỉ đối với CPC 86751, 86752 và 86753)</p> <p>86751 - Các dịch vụ địa chất, địa vật lý và các dịch vụ dự báo trữ lượng khác (Các dịch vụ tư vấn địa chất, địa vật lý, địa hóa học và các dịch vụ tư vấn khoa học khác liên quan tới vị trí của các mỏ khoáng sản, dầu và khí và nguồn nước ngầm thông qua nghiên cứu đặc tính của các lớp địa tầng, đá cũng như cấu trúc của chúng. Bao gồm cả các dịch vụ phân tích kết quả khảo sát bề mặt, nghiên cứu mẫu đất và nghiên cứu quặng và hỗ trợ, tư vấn trong việc phát triển và khai thác các nguồn khoáng sản);</p> <p>86752 - Dịch vụ khảo sát lòng đất (Dịch vụ thu thập thông tin về các lớp bề mặt trái đất bằng các phương pháp khác nhau, bao gồm các phương pháp khảo sát địa chấn, trọng lực và địa từ trường và các phương pháp khảo sát lòng đất khác)</p> <p>86753 - Dịch vụ khảo sát bề mặt (Dịch vụ thu thập thông tin về hình dạng, vị trí và/hoặc đường viền các phần bề mặt trái đất theo các phương thức khác nhau, bao gồm khảo sát chuyển tiếp, chụp ảnh sơ đồ và địa chất thủy văn để chuẩn bị lập bản đồ)</p> | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | <p>VN có cam kết mở cửa tương tự và ở mức hạn chế trong WTO và EVFTA; cam kết mở cửa hoàn toàn trong TPP.</p> <p>PLVN đã mở cửa hoàn toàn cho nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực này (bao gồm cả chi nhánh).</p> |

<sup>2</sup> Việc cung cấp các dịch vụ liên quan đến đánh giá trữ lượng, khảo sát, thăm dò và khai thác phải tuân thủ quy định và pháp luật hiện hành của Việt Nam..

| Lĩnh vực dịch vụ  | Mức độ tương thích với cam kết WTO | Mức độ tương thích với cam kết TPP | Mức độ tương thích với cam kết EVFTA | Tổng quát về cam kết và PLVN tương ứng   |
|---|------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|--|
| <p>(n) Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác) (CPC 633)</p> <p>CPC 633: Các dịch vụ sửa chữa đồ cá nhân và gia dụng</p> <p>Ngoại trừ: Các dịch vụ sửa chữa tự động được phân vào phân nhóm 61120 (Các dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng xe cơ giới) và 61220 (Các dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng xe gắn máy và phương tiện đi lại trong tuyết). Các dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng máy tính và máy móc văn phòng được phân vào phân nhóm 84500.</p> | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | <p>VN cam kết mở cửa tương tự và ở mức tương đối rộng trong WTO và EVFTA; mở cửa hoàn toàn trong TPP</p> <p>PLVN không quy định gì về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực này</p>  |
| <p>(o) Dịch vụ lau dọn các tòa nhà (CPC 874)</p> <p>- Dịch vụ diệt khuẩn và ngăn ngừa lây lan (CPC 87401)</p> <p>- Dịch vụ lau dọn cửa sổ (CPC 87402)</p>   | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | <p>VN không cam kết mở cửa trong WTO; cam kết mở cửa hoàn toàn trong EVFTA (nhưng chỉ giới hạn ở dịch vụ trong khu công nghiệp, khu chế xuất); mở cửa hoàn toàn trong TPP</p> <p>PLVN không quy định gì về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực này</p> |
| <p>(p) Dịch vụ chụp ảnh đặc biệt (CPC 87504)</p> <p>Các dịch vụ chụp ảnh người, đối tượng hoặc phong cảnh sử dụng kỹ thuật và máy móc đặc biệt. Các dịch vụ này thường bao gồm dịch vụ chụp ảnh từ không gian, chụp ảnh dưới nước, chụp ảnh y tế và sinh học, chụp ảnh cỡ nhỏ.</p>  | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | <p>VN không cam kết trong WTO; cam kết mở tương tự và ở mức hạn chế trong EVFTA và TPP</p> <p>PLVN không quy định gì về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực này</p>  |
| (q) Dịch vụ đóng gói hàng hóa   | Đã tương                           | Đã tương                           | Đã tương                             | VN không cam kết   |



| Lĩnh vực dịch vụ   | Mức độ tương thích với cam kết WTO | Mức độ tương thích với cam kết TPP | Mức độ tương thích với cam kết EVFTA | Tổng quát về cam kết và PLVN tương ứng  |
|--|------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|---|
| <p>(CPC 876)</p> <p>Các dịch vụ đóng gói hàng hóa cho các bên khác trên cơ sở hợp đồng hoặc đóng phí như đóng gói thực phẩm, dược phẩm, sản phẩm lau dọn nhà, sản phẩm sử dụng trong toa lét, sử dụng nhiều kỹ thuật đóng gói thủ công và tự động, bao gồm đóng gói bằng chất liệu xốp, đóng gói ép, điền đơn và đóng dấu, đóng bịch, đóng chai và đóng gói khử mùi. Đóng hộp và gói quà tặng cũng thuộc dịch vụ này. Dịch vụ này cũng có thể bao gồm việc dán nhãn và in ấn bao gói.</p> <p>Ngoại trừ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu dịch vụ chỉ bao gồm in thông tin trên bao gói thì sẽ được liệt kê tại tiểu mục phù hợp trong nhóm 325 hoặc 326, tức là vật liệu hoặc thông tin in ấn trên giấy hoặc bìa.</li> <li>- Dịch vụ đóng gói và chế tạo thủ công liên quan tới vận tải được liệt kê tại Chương 74 (các dịch vụ hỗ trợ và liên quan tới vận tải).</li> <li>- Dịch vụ thiết kế bao gói được liệt kê tại tiểu mục 87907 (dịch vụ thiết kế đặc biệt).</li> <li>- Nếu dịch vụ bao gói cũng bao gồm việc xử lý các sản phẩm do khách hàng sở hữu thành một sản phẩm khác (ví dụ trộn nước vào chất kết tủa để sản xuất nước giải khát, nấu cá trước khi đóng hộp, trộn kem và các chất liệu màu vào mỹ phẩm) thì sẽ được liệt kê tại tiểu mục phù hợp trong nhóm 884 hoặc 885 (dịch vụ liên quan tới sản xuất)</li> </ul> | thích                              | thích                              | thích                                | <p>trong WTO, cam kết mở cửa hạn chế trong EVFTA và cam kết mở rộng hơn (nhưng không hoàn toàn) trong TPP.</p> <p>PLVN không quy định gì về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực này</p> |
| Các dịch vụ hội chợ, triển lãm (CPC 87909**)   | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | VN không cam kết trong WTO, cam kết mở cửa hạn chế trong EVFTA và cam kết mở cửa hoàn toàn trong  |

| Lĩnh vực dịch vụ  | Mức độ tương thích với cam kết WTO | Mức độ tương thích với cam kết TPP | Mức độ tương thích với cam kết EVFTA | Tổng quát về cam kết và PLVN tương ứng  |
|---|------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|---|
|   |                                    |                                    |                                      | TPP<br>PLVN chỉ quy định về hoạt động tổ chức hội chợ, triển lãm và kiểm soát theo từng hoạt động (mỗi lần tổ chức) mà không có quy định gì về điều kiện đầu tư, kinh doanh đối với chủ thể kinh doanh dịch vụ này. |
| <b>2. CÁC DỊCH VỤ THÔNG TIN</b>   |                                    |                                    |                                      |   |
| <b>B. Các dịch vụ bưu chính (CPC 7511**)</b><br>Không bao gồm các dịch vụ công và dịch vụ bảo lưu<br>CPC 7511: Dịch vụ bưu chính liên quan tới thư  | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | VN không cam kết trong WTO, cam kết mở hoàn toàn trong TPP và EVFTA<br><br>PLVN không có quy định về điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực này.   |
| <b>B. Các dịch vụ chuyển phát (CPC 7512**)</b><br>* Dịch vụ chuyển phát nhanh, tức là dịch vụ gồm thu gom, chia chọn, vận chuyển và phát trong nước hoặc quốc tế:<br>(a) Thông tin dưới dạng văn bản <sup>14</sup> , thể hiện trên bất kỳ hình thức vật lý nào, bao gồm cả:<br>- dịch vụ có lai ghép (hybrid mail service);<br>- thông tin quảng cáo trực tiếp (direct mail).<br>Trừ việc xử lý các vật gửi là thông tin dưới dạng văn bản có giá cước dịch vụ thấp hơn:<br>- 10 lần giá cước của một bức thư tiêu chuẩn gửi trong nước ở nấc khối lượng đầu tiên<br>- 9 Đô-la Mỹ (USD) khi gửi quốc tế;<br>với điều kiện tổng khối lượng của các vật phẩm này không quá 2000 | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | VN cam kết mở cửa hạn chế trong WTO, mở hoàn toàn trong TPP và EVFTA<br><br>PLVN không có quy định về điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực này.  |

| Lĩnh vực dịch vụ  | Mức độ tương thích với cam kết WTO | Mức độ tương thích với cam kết TPP | Mức độ tương thích với cam kết EVFTA | Tổng quát về cam kết và PLVN tương ứng  |
|---|------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|---|
| gam.<br>(b) Kiện (bao gồm cả sách, catalogue) và các hàng hóa khác.<br>* Xử lý các vật phẩm không ghi địa chỉ người nhận (non-addressed items)  |                                    |                                    |                                      |   |
| <b>C. Dịch vụ viễn thông</b>  |                                    |                                    |                                      |   |
| <p>Các dịch vụ viễn thông cơ bản</p> <p>(a) Các dịch vụ thoại (CPC 7521)</p> <p>(b) Dịch vụ truyền số liệu chuyển mạch gói (CPC 7523**)</p> <p>(c) Dịch vụ truyền số liệu chuyển mạch kênh (CPC 7523**)</p> <p>(d) Dịch vụ Telex (CPC 7523**)</p> <p>(e) Dịch vụ Telegraph (CPC 7523**)</p> <p>(f) Dịch vụ Facsimile (CPC 7521** + 7529**)</p> <p>(g) Dịch vụ thuê kênh riêng (CPC 7522** + 7523**)</p> <p>(o*) Các dịch vụ khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch vụ hội nghị truyền hình (CPC 75292)</li> <li>- Dịch vụ truyền dẫn tín hiệu video trừ truyền quảng bá<sup>3</sup></li> <li>- Các dịch vụ thông tin vô tuyến, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dịch vụ thoại di động (gồm di động mặt đất và vệ tinh)</li> <li>+ Dịch vụ số liệu di động (gồm di động mặt đất và vệ tinh)</li> <li>+ Dịch vụ nhắn tin</li> <li>+ Dịch vụ PCS</li> <li>+ Dịch vụ trung kế vô tuyến</li> <li>- Dịch vụ kết nối Internet (IXP)</li> </ul> </li> </ul> <p>Dịch vụ viễn thông cơ bản:</p> <p>(o*) Các dịch vụ viễn thông khác</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch vụ mạng riêng ảo (VPN)</li> </ul> | Chưa tương thích                   | Đã tương thích                     | Chưa tương thích                     | <p>VN cam kết mở cửa hạn chế trong WTO, EVFTA và TPP, khác nhau ở mức mở cửa cụ thể (TPP hẹp hơn WTO và EVFTA).</p> <p>PLVN mở cửa như mức cam kết TPP.</p> |

<sup>3</sup> Truyền quảng bá là một chuỗi truyền dẫn liên tục cần thiết cho việc quảng bá các tín hiệu chương trình phát thanh và truyền hình tới công chúng, nhưng không bao gồm các tuyến truyền dẫn giữa các nhà khai thác.

| Lĩnh vực dịch vụ  | Mức độ tương thích với cam kết WTO | Mức độ tương thích với cam kết TPP | Mức độ tương thích với cam kết EVFTA | Tổng quát về cam kết và PLVN tương ứng   |
|---|------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|--|
| <p>Các dịch vụ giá trị gia tăng<br/> (h) Thư điện tử (CPC 7523 **)<br/> (i) Thư thoại (CPC 7523 **)<br/> (j) Thông tin trực tuyến và truy cập lấy thông tin từ cơ sở dữ liệu(CPC 7523**)<br/> (k) Trao đổi dữ liệu điện tử (EDI) (CPC 7523**)<br/> (l) Các dịch vụ facsimile gia tăng giá trị, bao gồm lưu trữ và chuyển, lưu trữ và khôi phục (CPC 7523**)<br/> (m) Chuyển đổi mã và giao thức<br/> (n) Thông tin trực tuyến và xử lý dữ liệu (bao gồm xử lý giao dịch)(CPC 843**)</p> |                                    |                                    |                                      |  |
| <p><b>D. Dịch vụ nghe nhìn</b><br/> (a) Dịch vụ sản xuất phim (CPC 96112, trừ băng hình)<br/> (b) Dịch vụ phát hành phim (CPC 96113, trừ băng hình)<br/> (c) Dịch vụ chiếu phim (CPC 96121)</p>   | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | <p>VN có cam kết mở cửa tương tự và hạn chế trong WTO, TPP và EVFTA</p> <p>PLVN quy định mức mở cửa như trong WTO</p>  |
| <p><b>Truyền thông đại chúng</b><br/> Đại lý ấn phẩm và tổng hợp thông tin, xuất bản, phát thanh và truyền hình, dưới bất kỳ hình thức nào</p>  | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | <p>VN không cam kết mở cửa trong cả WTO, TPP và EVFTA</p> <p>PLVN chưa mở hoạt động phát thanh, truyền hình, xuất bản cho các tổ chức, cá nhân tư nhân (kể cả nội địa lẫn nước ngoài).</p> <p>PLVN đã cho phép tổ chức, cá nhân được in, phát hành, xuất nhập khẩu ấn phẩm theo các điều kiện chặt chẽ (chung cho tất cả các chủ thể, không phân</p> |

| Lĩnh vực dịch vụ  | Mức độ tương thích với cam kết WTO | Mức độ tương thích với cam kết TPP | Mức độ tương thích với cam kết EVFTA | Tổng quát về cam kết và PLVN tương ứng   |
|---|------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|--|
|   |                                    |                                    |                                      | biệt trong nước, nước ngoài).  |
| <b>Dịch vụ phân phối băng đĩa hình</b>  | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | VN không cam kết mở cửa trong cả WTO, TPP và EVFTA<br><br>PLVN không có quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh dịch vụ sản xuất, phân phối băng đĩa hình (mà chỉ có quy định về các ràng buộc cho mỗi lần hoạt động cụ thể)                                |
| <b>3. DỊCH VỤ XÂY DỰNG VÀ CÁC DỊCH VỤ KỸ THUẬT LIÊN QUAN</b>  |                                    |                                    |                                      |  |
| A. Thi công xây dựng nhà cao tầng (CPC 512)<br>B. Thi công xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng (CPC 513)<br>C. Công tác lắp dựng và lắp đặt (CPC 514, 516)<br>D. Công tác hoàn thiện công trình nhà cao tầng (CPC 517)<br>E. Các công tác thi công khác (CPC 511, 515, 518) | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | VN cam kết mở cửa gần như hoàn toàn trong cả WTO, TPP và EVFTA (bao gồm cả chi nhánh, chỉ trừ điều kiện chủ thể nước ngoài phải là chủ thể pháp lý theo PL nước ngoài)<br><br>PLVN không có quy định riêng về điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài |
| <b>4. DỊCH VỤ PHÂN PHỐI</b>   |                                    |                                    |                                      |  |
| Danh mục hàng hóa không cam kết mở cửa cho nhà đầu tư nước ngoài phân phối  | Đã tương thích                     | Chưa tương thích                   | Đã tương thích                       | VN cam kết Danh mục tương tự trong WTO và EVFTA, cam kết Danh mục ngắn hơn trong TPP<br><br>PLVN quy định như WTO  |
| A. Dịch vụ đại lý hoa hồng (CPC 621, 61111, 6113, 6121)<br>B. Dịch vụ bán buôn (CPC 622,  | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | VN cam kết mở cửa hoàn toàn trong WTO, EVFTA và TPP về hình  |

| Lĩnh vực dịch vụ   | Mức độ tương thích với cam kết WTO | Mức độ tương thích với cam kết TPP | Mức độ tương thích với cam kết EVFTA | Tổng quát về cam kết và PLVN tương ứng  |
|--|------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|---|
| 61111, 6113, 6121)<br>C. Dịch vụ bán lẻ (CPC 631 + 632, 61112, 6113, 6121) |                                    |                                    |                                      | <p>thực hiện diện thương mại. Về yêu cầu đánh giá nhu cầu kinh tế (ENT), VN cam kết ENT cao trong WTO, thấp hơn trong TPP và EVFTA.</p> <p>PLVN đã mở hoàn toàn cho đầu tư nước ngoài. Về ENT, PLVN mở rộng hơn cam kết WTO và bằng với TPP, EVFTA (vào thời điểm TPP, EVFTA có hiệu lực, không tính cam kết mở theo lộ trình sau đó)</p> |
| D. Dịch vụ nhượng quyền thương mại (CPC 8929)                              | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | <p>VN cam kết mở cửa hoàn toàn trong cả WTO, TPP và EVFTA, bao gồm cả chi nhánh (trừ bảo lưu về điều kiện cư trú của Trưởng chi nhánh).</p> <p>PLVN không đặt điều kiện đầu tư nào riêng đối với nhà đầu tư nước ngoài</p>  |
| Chợ truyền thống   | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | <p>VN không cam kết mở cửa trong cả WTO, TPP và EVFTA</p> <p>PLVN không có quy định gì về điều kiện đầu tư, kinh doanh chợ truyền thống</p>   |
| Sàn giao dịch hàng hóa   | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | <p>VN chưa cam kết mở cửa lĩnh vực này trong cả WTO, EVFTA và TPP.</p> <p>PLVN hiện không có</p>  |

| Lĩnh vực dịch vụ  | Mức độ tương thích với cam kết WTO | Mức độ tương thích với cam kết TPP | Mức độ tương thích với cam kết EVFTA | Tổng quát về cam kết và PLVN tương ứng   |
|---|------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|--|
|   |                                    |                                    |                                      | hạn chế gì với nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực này  |
| <b>5. DỊCH VỤ GIÁO DỤC</b>  |                                    |                                    |                                      |  |
| Chỉ cam kết các lĩnh vực kỹ thuật, khoa học tự nhiên và công nghệ, quản trị kinh doanh và khoa học kinh doanh, kinh tế học, kế toán, luật quốc tế và đào tạo ngôn ngữ. Đối với các phân ngành (C), (D) và (E) dưới đây: Chương trình đào tạo phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo của Việt Nam phê chuẩn. | Không rõ                           | Không rõ                           | Không rõ                             | <p>1. Về lĩnh vực giáo dục</p> <p>Về nội dung thì VN cam kết mở cửa hạn chế trong WTO và EVFTA, rộng hơn trong TPP. Tuy nhiên về thực tế thì mức cam kết là tương đương nhau.</p> <p>PLVN giao Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về danh mục ngành nghề đào tạo mở cho nước ngoài – hiện chưa có Danh mục này</p> |
|   | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | <p>2. Về Chương trình đào tạo</p> <p>VN cam kết tương tự và mức mở hạn chế trong WTO và EVFTA. VN mở hoàn toàn trong TPP.</p> <p>PLVN không có hạn chế gì về vấn đề này (chỉ có hạn chế về chương trình đào tạo bắt buộc đối với học viên người VN)</p>  |
| B. Dịch vụ giáo dục phổ thông cơ sở (CPC 922)   | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | <p>VN không cam kết mở cửa trong WTO và EVFTA; cam kết mở cửa hạn chế trong TPP.</p> <p>PLVN mở cửa rất rộng (không hạn chế về chương trình đào tạo</p>  |

| Lĩnh vực dịch vụ  | Mức độ tương thích với cam kết WTO | Mức độ tương thích với cam kết TPP | Mức độ tương thích với cam kết EVFTA | Tổng quát về cam kết và PLVN tương ứng   |
|---|------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|--|
|   |                                    |                                    |                                      | nước ngoài, không hạn chế tỷ lệ học sinh VN...)  |
| C. Giáo dục bậc cao (CPC 923)<br>D. Giáo dục cho người lớn (CPC 924)<br>E. Các dịch vụ giáo dục khác (CPC 929 bao gồm đào tạo ngoại ngữ ) | Chưa tương thích                   | Chưa tương thích                   | Chưa tương thích                     | VN cam kết mở cửa hoàn toàn trong cả WTO, TPP và EVFTA (trừ yêu cầu về kinh nghiệm và bằng cấp của giáo viên nước ngoài)<br><br>PLVN đã mở cho tất cả các hình thức hiện diện thương mại, nhưng đặt điều kiện riêng đối với nhà đầu tư nước ngoài (cơ sở vật chất, số lượng giảng viên...) |
| <b>6. DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG</b>  |                                    |                                    |                                      |  |
| Vì lý do an ninh quốc gia, việc tiếp cận một số khu vực địa lý có thể bị hạn chế.   | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | VN có cam kết tương tự nhau trong WTO, EVFTA và TPP về quyền áp dụng các biện pháp cấm tiếp cận đối với các khu vực địa lý nhạy cảm về an ninh quốc phòng<br><br>PLVN không có quy định nào về hạn chế này.  |
| A. Dịch vụ xử lý nước thải (CPC 9401)   | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | VN cam kết mở cửa hoàn toàn trong WTO, TPP và EVFTA (trừ các trường hợp dịch vụ công ích, thực hiện theo thẩm quyền Nhà nước)  |
| B. Dịch vụ xử lý rác thải (CPC 9402)*   | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | VN cam kết mở cửa hoàn toàn trong WTO,   |



| Lĩnh vực dịch vụ  | Mức độ tương thích với cam kết WTO | Mức độ tương thích với cam kết TPP | Mức độ tương thích với cam kết EVFTA | Tổng quát về cam kết và PLVN tương ứng   |
|---|------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|--|
|   |                                    |                                    |                                      | TPP và EVFTA<br>PLVN hiện không quy định gì về điều kiện riêng đối với đầu tư nước ngoài   |
| <p>C. Dịch vụ vệ sinh và các dịch vụ tương tự (CPC 9403)</p> <p>Các dịch vụ vệ sinh và dịch vụ tương tự gồm dịch vụ quét dọn ngoài trời và dịch vụ dọn dẹp băng tuyết.</p> <p>Ngoại trừ: Dịch vụ tẩy uế và khử trùng cho các tòa nhà và các công trình phi nông nghiệp được phân loại trong tiểu mục 87401.</p> <p>Dịch vụ kiểm soát các loài côn trùng gây hại trong nông nghiệp được phân loại trong tiểu mục 88110 (dịch vụ liên quan tới nông nghiệp)</p> | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | <p>VN không có cam kết gì về dịch vụ này trong WTO nhưng lại mở hoàn toàn trong EVFTA và TPP</p> <p>PLVN không có quy định gì về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực này</p> |
| <p>D. Dịch vụ khác</p> <p>- Dịch vụ làm sạch khí thải (CPC 94040) và dịch vụ xử lý tiếng ồn (CPC 94050).</p>  | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | <p>VN không có cam kết gì về dịch vụ này trong WTO nhưng lại mở hoàn toàn trong EVFTA và TPP</p> <p>PLVN không có quy định gì về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực này</p> |
| <p>- Dịch vụ bảo vệ thiên nhiên và phong cảnh (CPC 94060)</p> <p>Dịch vụ bảo vệ hệ sinh thái, ví dụ như bảo vệ hồ, đường bờ biển và vùng nước ven biển, vùng đất khô cằn, v.v, gồm quần thể động vật, quần thể thực vật và môi trường sống. Dịch vụ này gồm cả nghiên cứu mối quan hệ giữa môi trường và khí hậu (ví dụ như hiệu ứng nhà</p>  | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | <p>VN không có cam kết gì về dịch vụ này trong WTO nhưng lại mở hoàn toàn trong EVFTA và TPP</p> <p>PLVN không có quy định gì về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực này</p> |

| Lĩnh vực dịch vụ  | Mức độ tương thích với cam kết WTO  | Mức độ tương thích với cam kết TPP | Mức độ tương thích với cam kết EVFTA | Tổng quát về cam kết và PLVN tương ứng   |
|---|---|------------------------------------|--------------------------------------|--|
| <p>kính) và dịch vụ đánh giá và xử lý ảnh hưởng của thiên tai. Dịch vụ bảo vệ phong cảnh không được phân loại.</p> <p>Ngoại trừ: Dịch vụ đánh giá và xử lý mức độ phá hủy rừng và thiệt hại được phân loại trong tiểu mục 881 (dịch vụ liên quan tới nông nghiệp, săn bắn và lâm nghiệp).</p> |   |                                    |                                      |  |
| - Dịch vụ đánh giá tác động môi trường (CPC 94090*)   | Đã tương thích  | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | <p>VN cam kết mở hoàn toàn trong WTO, TPP và EVFTA.</p> <p>PLVN không quy định điều kiện đầu tư nào riêng cho nhà đầu tư nước ngoài</p>  |
| <b>7. DỊCH VỤ TÀI CHÍNH</b>   | Không xem xét trong Rà soát này, do dịch vụ tài chính trong TPP được cam kết riêng (cả về nguyên tắc mở cửa và các biện pháp không tương thích), không theo các dịch vụ nói chung |                                    |                                      |  |
| <b>8. DỊCH VỤ Y TẾ VÀ XÃ HỘI</b>  |   |                                    |                                      |  |
| <p>A. Dịch vụ bệnh viện (CPC 9311)</p> <p>B. Các dịch vụ nha khoa và khám bệnh (CPC 9312)</p>   | Đã tương thích  | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | <p>VN cam kết mở cửa hoàn toàn dịch vụ này trong WTO, TPP và EVFTA (trừ yêu cầu trong WTO về mức vốn tối thiểu FDI trong lĩnh vực này, tùy hình thức cơ sở y tế).</p> <p>PLVN không quy định điều kiện đầu tư nào riêng cho nhà đầu tư nước ngoài (kể cả về điều kiện vốn tối thiểu)</p> |
| Dịch vụ hạ tầng y tế cho dân cư không phải là dịch vụ bệnh viện   | Đã tương thích  | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | VN không cam kết mở cửa trong cả WTO,  |

| Lĩnh vực dịch vụ   | Mức độ tương thích với cam kết WTO | Mức độ tương thích với cam kết TPP | Mức độ tương thích với cam kết EVFTA | Tổng quát về cam kết và PLVN tương ứng   |
|--|------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|--|
| (CPC 93193) Các dịch vụ y tế cho người khác (CPC 93199) <sup>4</sup><br>CPC 93193: Dịch vụ y tế tại nơi cư trú không phải dịch vụ bệnh viện<br>CPC 93199: Các dịch vụ sức khỏe con người khác  |                                    |                                    |                                      | TPP và EVFTA<br>PLVN không quy định hạn chế nào riêng đối với nhà đầu tư nước ngoài  |
| C. Dịch vụ xã hội và dịch vụ liên quan tới sức khỏe (CPC 933):<br>CPC 9331 - Dịch vụ xã hội tại cơ sở (Dịch vụ phúc lợi cung cấp trong các cơ sở cư trú dành cho người già và người tàn tật; Dịch vụ phúc lợi cung cấp trong các cơ sở cư trú dành cho trẻ em và các bệnh nhân khác; Các dịch vụ xã hội cung cấp tại cơ sở khác - Dịch vụ trợ giúp xã hội liên quan tới dịch vụ chăm sóc suốt ngày đêm do các cơ sở cư trú dành cho người nghiện ma túy hoặc nghiện rượu, như trường giáo dưỡng trẻ vị thành niên và dịch vụ phục hồi (không gồm dịch vụ điều trị y tế))<br>CPC 9332: Dịch vụ xã hội ngoài cơ sở (Dịch vụ chăm sóc trẻ em vào ban ngày gồm dịch vụ chăm sóc ban ngày giành cho người tàn tật; Dịch vụ dạy dỗ và hướng dẫn liên quan tới trẻ em; Dịch vụ phúc lợi cung cấp trong các cơ sở cư trú; Dịch vụ hướng nghiệp; Các dịch vụ xã hội trong cơ sở khác) | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | VN không cam kết mở cửa trong WTO, TPP; có cam kết mở cửa hạn chế trong EVFTA<br>PLVN không có quy định riêng về điều kiện đối với đầu tư nước ngoài |
| <b>9. DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ DỊCH VỤ LIÊN QUAN</b>   |                                    |                                    |                                      |  |
| A. Khách sạn và nhà hàng bao gồm<br>- Dịch vụ xếp chỗ ở khách sạn (CPC 64110)<br>- Dịch vụ cung cấp thức ăn (CPC 642) và đồ uống (CPC 643)   | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | VN đã mở cửa hoàn toàn trong WTO, TPP và EVFTA<br>PLVN không có quy  |

<sup>4</sup> Chi liên quan đến các nghĩa vụ về dịch vụ xuyên biên giới..

| Lĩnh vực dịch vụ  | Mức độ tương thích với cam kết WTO | Mức độ tương thích với cam kết TPP | Mức độ tương thích với cam kết EVFTA | Tổng quát về cam kết và PLVN tương ứng   |
|---|------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|--|
|   |                                    |                                    |                                      | định riêng về điều kiện đối với đầu tư nước ngoài  |
| B. Dịch vụ đại lý lữ hành và điều hành tour du lịch (CPC 7471)  | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | VN cam kết mở tương tự và ở mức hạn chế trong WTO, EVFTA; cam kết mở hoàn toàn trong TPP (trừ hạn chế về hoạt động).<br><br>PLVN không có quy định riêng về điều kiện đối với đầu tư nước ngoài, thậm chí đã cho phép mở chi nhánh |
| <b>10. DỊCH VỤ GIẢI TRÍ, VĂN HOÁ VÀ THỂ THAO</b>  |                                    |                                    |                                      |  |
| A. Dịch vụ giải trí (bao gồm nhà hát, nhạc sống và xiếc) (CPC 9619)   | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | VN có cam kết tương tự và ở mức hạn chế trong WTO, TPP và EVFTA<br><br>PLVN không quy định riêng về điều kiện đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài   |
| D. Dịch vụ khác - Kinh doanh trò chơi điện tử (CPC 964**)   | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | VN cam kết mở cửa tương tự và ở mức hạn chế trong WTO, TPP và EVFTA<br><br>PLVN không có quy định riêng về điều kiện đối với đầu tư nước ngoài   |
| Mỹ thuật và nghệ thuật biểu diễn và các hoạt động văn hóa khác (nhiếp ảnh, triển lãm nghệ thuật, biểu diễn thời trang, các cuộc thi người mẫu và hoa hậu, kinh doanh karaoke và vũ trường, tổ chức lễ hội.) | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | VN không cam kết mở cửa trong WTO, EVFTA, TPP<br><br>PLVN hiện không có quy định về ngành nghề kinh doanh này mà chỉ có quy định về  |

| Lĩnh vực dịch vụ                                  | Mức độ tương thích với cam kết WTO | Mức độ tương thích với cam kết TPP | Mức độ tương thích với cam kết EVFTA | Tổng quát về cam kết và PLVN tương ứng  |
|---|------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|---|
|   |                                    |                                    |                                      | điều kiện đối với hoạt động trong đó có quy định khác biệt, theo hướng ưu tiên hơn, thuận lợi hơn cho tổ chức, cá nhân Việt Nam khi thực hiện hoạt động này   |
| Bảo vệ, duy trì và tu bổ di sản vật thể           | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | VN không cam kết mở cửa trong WTO, EVFTA, TPP<br><br>PLVN chỉ có quy định về việc kinh doanh bảo tàng (trong đó không có quy định riêng về điều kiện đối với đầu tư nước ngoài); không có quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh với các dịch vụ khác |
| Câu lạc bộ võ thuật khí công và thể thao mạo hiểm | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | VN không cam kết mở cửa trong WTO, EVFTA, TPP<br><br>PLVN không có quy định riêng về điều kiện đối với đầu tư nước ngoài  |
| Dịch vụ xổ số, đánh bạc và cá cược                | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | VN không cam kết mở cửa trong WTO, EVFTA, TPP<br><br>Về dịch vụ trò chơi có thưởng: PLVN không có quy định riêng về điều kiện đối với đầu tư nước ngoài<br><br>Về dịch vụ xổ số: PLVN chỉ cho phép doanh nghiệp Nhà nước kinh                           |

| Lĩnh vực dịch vụ   | Mức độ tương thích với cam kết WTO | Mức độ tương thích với cam kết TPP | Mức độ tương thích với cam kết EVFTA | Tổng quát về cam kết và PLVN tương ứng  |
|--|------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|---|
|  |                                    |                                    |                                      | doanh dịch vụ này<br>Về dịch vụ cá cược khác: PLVN chưa cho phép thực hiện  |
| Dịch vụ liên quan đến việc tổ chức sự kiện thể thao (bao gồm việc xúc tiến, tổ chức và quản lý trang thiết bị)   | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | VN không cam kết mở cửa trong WTO, EVFTA; cam kết mở cửa hạn chế TPP<br><br>PLVN không có quy định riêng về điều kiện đối với đầu tư nước ngoài   |
| <b>11. DỊCH VỤ VẬN TẢI</b>   |                                    |                                    |                                      |   |
| <b>A. Dịch vụ vận tải biển</b><br>(a) Dịch vụ vận tải hành khách, trừ vận tải nội địa (CPC 7211)<br>(b) Dịch vụ vận tải hàng hóa, trừ vận tải nội địa (CPC 7212) | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | Về vận tải biển<br><br>VN có cam kết mở tương tự và ở mức hạn chế trong WTO, TPP; có cam kết mở hơn trong EVFTA.<br><br>PLVN quy định mở cửa ở mức hạn chế  |
|  | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | Về vận tải biển nội địa<br><br>VN không có cam kết mở cửa trong WTO, TPP và EVFTA<br><br>PLVN quy định mở cửa ở mức hạn chế   |
|  | Đã tương thích                     | Chưa tương thích                   | Đã tương thích                       | Về dịch vụ liên quan tới vận tải biển của chủ tàu<br><br>VN cam kết mở tương tự và hạn chế (về hoạt động) trong WTO, EVFTA; cam kết mở hoàn toàn trong TPP<br><br>PLVN quy định mức mở cửa tương tự WTO |

| Lĩnh vực dịch vụ   | Mức độ tương thích với cam kết WTO | Mức độ tương thích với cam kết TPP | Mức độ tương thích với cam kết EVFTA | Tổng quát về cam kết và PLVN tương ứng   |
|--|------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|--|
| (d) Dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa tàu biển (CPC 8868*)   | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | VN không cam kết mở cửa trong WTO, mở cửa hạn chế trong EVFTA và mở hoàn toàn trong TPP<br><br>PLVN không có quy định riêng về điều kiện đối với đầu tư nước ngoài |
| <b>Các dịch vụ hỗ trợ vận tải biển</b><br>- Dịch vụ xếp dỡ công-ten-nơ (CPC 7411)  | Chưa tương thích                   | Đã tương thích                     | Chưa tương thích                     | VN có cam kết mở tương tự và ở hạn chế trong WTO, EVFTA; mức mở cửa trong TPP hẹp hơn nữa<br><br>PLVN mở cửa theo cam kết TPP                                      |
| - Dịch vụ thông quan (hay "dịch vụ môi giới hải quan") là các hoạt động bao gồm việc thay mặt một bên khác thực hiện các thủ tục hải quan liên quan tới xuất khẩu, nhập khẩu hoặc quá cảnh hàng hóa, dù dịch vụ này là hoạt động chính hay chỉ là một phần bổ sung thông thường trong hoạt động chính của nhà cung cấp dịch vụ | Chưa tương thích                   | Chưa tương thích                   | Chưa tương thích                     | VN cam kết mở cửa hoàn toàn trong WTO, TPP và EVFTA<br><br>PLVN mở cửa hạn chế   |
| - Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa (CPC 748*)   | Đã tương thích                     | Chưa tương thích                   | Đã tương thích                       | VN không cam kết mở cửa trong WTO, mở cửa hạn chế trong EVFTA và mở hoàn toàn trong TPP<br><br>PLVN mở cửa ở mức cam kết EVFTA                                     |
| - Dịch vụ kho bãi công-ten-nơ<br>"Dịch vụ kho bãi công-ten-nơ" là các hoạt động bao gồm lưu kho công-ten-nơ, dù ở khu vực cảng   | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | VN cam kết mở cửa hoàn toàn trong WTO, TPP và EVFTA<br><br>PLVN không có quy   |

| Lĩnh vực dịch vụ   | Mức độ tương thích với cam kết WTO | Mức độ tương thích với cam kết TPP | Mức độ tương thích với cam kết EVFTA | Tổng quát về cam kết và PLVN tương ứng   |
|--|------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|--|
| hay trong nội địa, nhằm chất hàng vào/dỡ hàng ra, sửa chữa và chuẩn bị công-ten-nơ sẵn sàng cho việc gửi hàng                        |                                    |                                    |                                      | định riêng về điều kiện đối với đầu tư nước ngoài  |
| <b>B. Dịch vụ vận tải đường thủy nội địa</b><br>(a) Dịch vụ vận tải hành khách (CPC 7221)<br>(b) Dịch vụ vận tải hàng hóa (CPC 7222) | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | VN cam kết mở cửa tương tự và hạn chế trong WTO, TPP, EVFTA.<br><br>PLVN mở như cam kết WTO  |
| Dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa tàu thủy nội địa (CPC 8868*)   | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | VN không cam kết mở cửa trong WTO, mở cửa hạn chế trong EVFTA và mở hoàn toàn trong TPP<br><br>PLVN không có quy định riêng về điều kiện đối với đầu tư nước ngoài                                 |
| <b>C. Dịch vụ vận tải hàng không</b>   |                                    |                                    |                                      |  |
| (a) Dịch vụ bán và tiếp thị sản phẩm hàng không  | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | VN có cam kết mở tương tự và hạn chế trong WTO, EVFTA; mở hoàn toàn trong TPP<br><br>PLVN không có quy định riêng về điều kiện đối với đầu tư nước ngoài   |
| (b) Dịch vụ đặt, giữ chỗ bằng máy tính   | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | VN có cam kết mở hoàn toàn trong WTO, EVFTA và TPP (riêng với WTO và EVFTA thì có điều kiện phải sử dụng mạng lưới thông tin thuộc quản lý của cơ quan có thẩm quyền VN).<br><br>PLVN không có quy |



| Lĩnh vực dịch vụ  | Mức độ tương thích với cam kết WTO | Mức độ tương thích với cam kết TPP | Mức độ tương thích với cam kết EVFTA | Tổng quát về cam kết và PLVN tương ứng  |
|---|------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|---|
|   |                                    |                                    |                                      | định riêng về điều kiện đối với đầu tư nước ngoài   |
| (c) Dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa máy bay (CPC 8868**)  | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | VN cam kết mở hẹp trong WTO, mở rộng hơn trong EVFTA và mở hoàn toàn trong TPP<br><br>PLVN không có quy định riêng về điều kiện đối với đầu tư nước ngoài   |
| (e) Dịch vụ điều hành mặt đất (không bao gồm dịch vụ lau dọn máy máy, vận chuyển mặt đất, quản lý sân bay và dịch vụ không lưu) | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Chưa tương thích                     | VN không cam kết mở trong WTO, TPP; cam kết mở hẹp trong EVFTA<br><br>PLVN mở hơn WTO, TPP nhưng chưa ở mức EVFTA   |
| Dịch vụ bay đặc biệt<br>Dịch vụ điều hành sân bay (trừ trường hợp đã thuộc Dịch vụ điều hành mặt đất)                           | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | VN không cam kết mở trong WTO, TPP và EVFTA<br><br>PLVN đã mở ở các mức độ khác nhau tùy dịch vụ cụ thể   |
| Dịch vụ phục vụ bữa ăn trên máy bay   | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | Nếu dịch vụ này không thuộc dịch vụ điều hành mặt đất, dịch vụ bay đặc biệt và dịch vụ điều hành sân bay<br><br>VN không cam kết mở trong WTO, TPP; cam kết mở hạn chế trong EVFTA<br><br>PLVN không có quy định riêng về điều kiện đối với đầu tư nước ngoài |

| Lĩnh vực dịch vụ   | Mức độ tương thích với cam kết WTO | Mức độ tương thích với cam kết TPP | Mức độ tương thích với cam kết EVFTA | Tổng quát về cam kết và PLVN tương ứng  |
|--|------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|---|
|  | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | <p>Nếu dịch vụ này không thuộc dịch vụ điều hành mặt đất, dịch vụ bay đặc biệt và dịch vụ điều hành sân bay</p> <p>VN không cam kết mở trong WTO, mở hẹp trong EVFTA và mở hoàn toàn trong TPP</p> <p>PLVN không có quy định riêng về điều kiện đối với đầu tư nước ngoài</p> |
| Vận tải hàng không, bao gồm cả dịch vụ vận tải hàng không quốc tế và nội địa     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | <p>VN không cam kết mở trong WTO, EVFTA; mở hạn chế trong TPP</p> <p>PLVN đã mở bằng cam kết TPP</p>  |
| Xây dựng, vận hành và quản lý cảng sông, cảng biển và sân bay                    | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | <p>VN không cam kết mở trong WTO, TPP và EVFTA</p> <p>PLVN đã mở ở mức hạn chế</p>  |
| <b>E. Dịch vụ vận tải đường sắt</b><br>(a) Dịch vụ vận tải hành khách (CPC 7111) | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | <p>VN không cam kết mở trong cả WTO, TPP và EVFTA</p> <p>PLVN không có quy định riêng về điều kiện đối với đầu tư nước ngoài</p>  |
| (b) Dịch vụ vận tải hàng hóa (CPC 7112)  | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | <p>VN cam kết mở tương tự và ở mức hạn chế trong WTO, TPP và EVFTA</p> <p>PLVN không có quy định riêng về điều kiện đối với đầu tư nước ngoài</p>   |

| Lĩnh vực dịch vụ   | Mức độ tương thích với cam kết WTO | Mức độ tương thích với cam kết TPP | Mức độ tương thích với cam kết EVFTA | Tổng quát về cam kết và PLVN tương ứng   |
|--|------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|--|
| <p><b>F. Dịch vụ vận tải đường bộ</b><br/>           (a) Dịch vụ vận tải hành khách (CPC 7121+7122)<br/>           (b) Dịch vụ vận tải hàng hóa (CPC 7123)</p>   | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | <p>VN có cam kết mở tương tự và ở mức hạn chế trong WTO, TPP và EVFTA</p> <p>PLVN về vận tải hàng hóa quy định mức như WTO (thậm chí mở rộng hơn ở một số điều kiện khác, ví dụ không cần đánh giá nhu cầu thị trường)</p> <p>PLVN về vận tải hành khách không có quy định riêng về điều kiện đối với đầu tư nước ngoài</p>  |
| <p>Vận tải thủy nội địa: dịch vụ vận tải ven bờ, thuê tàu kèm đội thủy thủ (CPC 7223)<br/>           Vận tải vũ trụ<br/>           Vận tải đường ống<br/>           Vận tải đường sắt (dịch vụ vận tải nội địa, dịch vụ kinh doanh hạ tầng)<br/>           Dịch vụ vận tải đường bộ nội địa<br/>           Dịch vụ kéo đẩy</p> | Đã tương thích                     | Đã tương thích                     | Đã tương thích                       | <p>VN không cam kết mở trong cả WTO, TPP và EVFTA</p> <p>PLVN không có quy định riêng về điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài về vận tải đường thủy nội địa, đường sắt, đường bộ hay đường biển (ngoại trừ các lĩnh vực đã xem xét ở các mục trên)</p> <p>PLVN không cho phép nhà đầu tư nước ngoài tham gia dịch vụ vận tải đường ống.</p> <p>PLVN không có quy định về điều kiện kinh doanh, đầu tư trong lĩnh vực vận tải không gian.</p> <p>PLVN mở cửa hạn chế trong dịch vụ kéo đẩy,</p> |

| Lĩnh vực dịch vụ   | Mức độ tương thích với cam kết WTO   | Mức độ tương thích với cam kết TPP   | Mức độ tương thích với cam kết EVFTA   | Tổng quát về cam kết và PLVN tương ứng  |
|--|--|--|--|---|
|  |  |  |  | lai dắt   |
| <b>H. Dịch vụ hỗ trợ mọi phương thức vận tải</b>   |  |  |  |   |
| (a) Dịch vụ xếp dỡ công-ten-nơ, trừ dịch vụ cung cấp tại các sân bay (một phần của CPC 7411)   | Đã tương thích   | Đã tương thích   | Đã tương thích   | VN cam kết mở tương tự và ở mức hạn chế trong WTO, TPP và EVFTA<br><br>PLVN mở bằng cam kết WTO   |
| (a) Dịch vụ xếp dỡ công-ten-nơ hàng hải (CPC 741)  | Đã tương thích   | Chưa tương thích   | Đã tương thích   | VN không cam kết trong WTO, cam kết mở hạn chế trong EVFTA và cam kết mở hoàn toàn trong TPP<br><br>PLVN mở bằng EVFTA  |
| (b) Dịch vụ kho bãi (CPC 742)<br>(c) Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa (CPC 748)   | Chưa tương thích (về đại lý tàu biển)<br><br>Đã tương thích (về dịch vụ khác)                    | Chưa tương thích (về đại lý tàu biển)<br><br>Đã tương thích (về dịch vụ khác)                    | Chưa tương thích (về đại lý tàu biển)<br><br>Đã tương thích (về dịch vụ khác)                    | VN cam kết mở hoàn toàn trong WTO, TPP và EVFTA<br><br>Nghị định 140/2007/NĐ-CP thì VN cũng đã mở hoàn toàn các lĩnh vực này.<br>Nghị định 30/2014/NĐ-CP thì riêng với đại lý tàu biển, VN chỉ mở hạn chế         |
| (d) Các dịch vụ khác (một phần của CPC 749)<br><br>Bao gồm các hoạt động sau: kiểm tra vận đơn; dịch vụ môi giới vận tải hàng hóa; giám định hàng hóa, dịch vụ lấy mẫu và xác định trọng lượng; giám định hàng hóa; dịch vụ nhận và chấp nhận hàng; dịch vụ chuẩn bị chứng từ vận tải. Các dịch vụ này được thực hiện thay mặt cho chủ hàng. | Chưa tương thích (về dịch vụ hỗ trợ vận tải khác)<br><br>Đã tương thích (về dịch vụ bổ trợ khác) | Chưa tương thích (về dịch vụ hỗ trợ vận tải khác)<br><br>Đã tương thích (về dịch vụ bổ trợ khác) | Chưa tương thích (về dịch vụ hỗ trợ vận tải khác)<br><br>Đã tương thích (về dịch vụ bổ trợ khác) | VN cam kết mở hạn chế trong WTO; cam kết mở hoàn toàn trong TPP và EVFTA<br><br>PLVN đã mở hoàn toàn cho đầu tư nước ngoài trong các “dịch vụ bổ trợ khác”, tuy nhiên chưa mở trong “dịch vụ hỗ trợ vận tải khác” |

| <b>Lĩnh vực dịch vụ</b> | <b>Mức độ tương thích với cam kết WTO</b> | <b>Mức độ tương thích với cam kết TPP</b> | <b>Mức độ tương thích với cam kết EVFTA</b> | <b>Tổng quát về cam kết và PLVN tương ứng</b>   |
|-------------------------|---|---|---|---|
| Dịch vụ nạo vét         | Đã tương thích                            | Đã tương thích                            | Đã tương thích                              | <p>VN không có cam kết mở trong WTO, cam kết mở hẹp trong EVFTA và cam kết mở hoàn toàn trong TPP</p> <p>PLVN không quy định riêng về điều kiện đối với đầu tư nước ngoài</p> |